

Bản án số: **265/2021/HSPT**

Ngày: 17 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 294/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Như M, bị cáo Lê Minh N về tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 23-03-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1335/2021/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Như M. Sinh ngày 10/8/1993, tại tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKKHKT: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Như X và bà Phan Thị L; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 03 tiền án đều về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 17/10/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 334/2012/HSST ngày 17/10/2012, bị can đã chấp hành án xong, chưa được xóa án tích.

Ngày 24/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 05 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 29/2015/HSST ngày 24/4/2015, bị can đã chấp hành án xong, chưa được xóa án tích.

Ngày 13/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai 03 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt, bị can đến tỉnh Gia Lai sinh sống; tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 02/01/2020 và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Lê Minh N. Sinh ngày 14/10/1989, tại tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKKTT: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thổ; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Minh T và bà Lê Thị V; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 23/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 27 tháng tù của bản án số 109 ngày 27/12/2007, hình phạt chung là 33 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 25/8/2007 theo Bản án số 21/2008/HSST ngày 23/4/2008, bị can đã chấp hành xong hình phạt.

Ngày 28/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 02/2011/HSST ngày 28/02/2011, bị can đã chấp hành xong hình phạt.

Ngày 14/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai 02 năm 6 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 388/2017/HSST ngày 14/9/2017. Ngày 23/9/2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 22/02/2006, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án số 11/2006/HSST ngày 22/02/2006, bị can đã chấp hành xong hình phạt.

Ngày 27/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 109/2007/HSST ngày 27/12/2007.

Ngày 23/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, bản án đã có hiệu lực pháp luật;

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/03/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Trú tại: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Anh Đới Sỹ N1, sinh năm 1995

Trú tại: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Anh Hoàng Quốc Anh B, sinh năm 1996

Trú tại: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1988

Trú tại: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

5. Bà Vương Thị L, sinh năm 1960
Trú tại: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

a. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2019, Lê Minh N từ tỉnh Bình Dương đến thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thăm bạn là Nguyễn Như C (sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai). Tại đây Lê Minh N đã gặp và quen biết với Nguyễn Như M (là em trai của Nguyễn Như C). M đã rủ N đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài, N đồng ý. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, Nguyễn Như M thường xuyên trộm cắp tài sản, cụ thể M trực tiếp thực hiện 01 lần và cùng Lê Minh N thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và thành phố P, tỉnh Gia Lai như sau:

Lần thứ nhất: Vào sáng ngày 27/12/2019, N điện thoại cho M ra khu vực ngã ba Hgấp N, sau đó M điều khiển xe mô tô của N chở N đi vào thành phố P để tìm xe trộm cắp. Khi đến đoạn đường P thuộc tổ 7 phường Thống N, thành phố P thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn xanh đen bạc biển số 36B6-857.46 của anh Đới Sĩ N1 (sinh năm 1995, trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai) dừng trước quán ăn “X” địa chỉ 347Đ P. M dừng xe ở đầu hẻm 347 Phố cảnh giới, N xuống xe đi đến chỗ chiếc xe trên rồi dùng vạm phá khóa và nổ máy. Sau khi lấy được xe, N điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm được cùng với M chạy về ngã ba H, sau đó N đón xe khách (không xác định được xe khách nào) gửi về Bình Dương tiêu thụ.

Qua định giá tài sản, tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Biển số 36B6-857.46, có giá trị 12.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 8h, ngày 29/12/2019, M đón xe khách từ Đ ra ngã ba H gặp N, sau đó M điều khiển xe mô tô của N và chở N đến thị trấn C để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đường Hùng Vương thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 81B2-620.87 của anh Nguyễn Ngọc N (sinh năm 1988, trú tại Tổ dân số 2, thị trấn C, huyện C) dừng trên vỉa hè trước nhà số 150 Hùng Vương, tổ dân phố 2, thị trấn C. M dừng xe dưới lòng đường cảnh giới, N đi bộ đến chỗ chiếc xe Wave trên và dùng vạm phá ổ khóa, sau đó N điều khiển xe máy vừa trộm được cùng M chạy về ngã ba H, N cất giấu xe trộm cắp trong rừng tràm. Xe này sau đó N gửi xe khách (không xác định được xe khách nào) về Bình Dương tiêu thụ.

Qua định giá tài sản, tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 81B2 - 620.87 trị giá 15.130.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau khi trộm cắp và cất giấu xe 81B2-620.87, khoảng 10h ngày 29/12/2019, M tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N đi đến thị trấn C, huyện C tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến đầu thị trấn thì M và N phát hiện thấy 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 81B2-625.46 của chị Vương Thị L (sinh năm 1960,

trú tại tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai) đang dựng trước sân nhà 66B đường Hùng Vương. M dừng xe bên kia đường cạnh giới còn N đi bộ đến chỗ chiếc xe trên và dùng vạm phá ổ khóa rồi điều khiển xe vừa trộm cắp được cùng M chạy về ngã ba H và cất giấu trong rừng tràm. Chiếc xe này N đã đón xe khách (không xác định được xe khách nào) gửi về Bình Dương tiêu thụ.

Qua định giá tài sản, tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận xe mô tô hiệu Wave biển số 81B2-625.46 trị giá 15.130.000 đồng.

Lần thứ tư: Sau khi trộm cắp và cất giấu xe 81B2-625.46, đến khoảng 13h ngày 29/12/2019, M điều khiển xe mô tô chở N đi vào thành phố P tìm xe máy để trộm cắp. Khi đến đường P, M và N phát hiện 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 81B2-241.28 của anh Hoàng Quốc Anh B (SN 1996, trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai) dựng trước nhà số 20 P, tổ 4, phường Hoa Lư, thành phố P. M để N cầm lái và dừng xe dưới lòng đường cạnh giới, M xuống đi bộ đến chỗ chiếc xe Exciter trên, phá khóa điện và nổ máy rồi điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm được cùng với N chạy về ngã ba H đón xe khách (không xác định được xe khách nào) gửi về Bình Dương tiêu thụ.

Qua định giá tài sản, tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận xe mô tô hiệu Exciter biển số 81B2-241.28 trị giá 29.000.000 đồng.

Sau khi trộm cắp 04 xe mô tô nói trên, ngày 30/12/2019, N gặp M và đưa cho M 15.000.000 đồng. Đến ngày 02/01/2020, N liên lạc điện thoại nói M ra ngã ba Hàm rồng, M điều khiển xe mô tô biển số 37P1-435.06 từ huyện Đ ra ngã ba H thành phố P thì gặp N đi cùng một người bạn (không rõ tên). Cả 3 đi vào thành phố P tìm xe để trộm cắp nhưng không tìm được chủ xe nào sơ hở để trộm cắp. Khoảng 16 giờ cùng ngày, M điều khiển xe mô tô biển số 37P1-435.06 quay về ngã ba H, còn N và người bạn của N đi về hướng Đ. Khoảng 30' sau thì M thấy N và bạn N điều khiển 02 chiếc xe đến (01 chiếc xe của N và 01 chiếc xe Wave màu xanh). Khi N và bạn N đợi xe khách để gửi xe Wave vào Bình Dương thì Tổ công tác của Phòng CSHS Công an tỉnh Gia Lai phối hợp với Công an huyện C đến kiểm tra, N và bạn N điều khiển 02 xe mô tô bỏ trốn còn M được đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện C, tỉnh Gia Lai để làm việc. Tại đây Nguyễn Như M đã khai báo 04 lần trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã lập biên bản người phạm tội ra đầu thú đối với Nguyễn Như M và tạm giữ của M 01 xe mô tô biển số 37P1-435.06 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Như Hùng; 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Đối với Lê Minh N, sau khi bỏ trốn, N cùng đối tượng Lê Viết Hùng đến thành phố Q, tỉnh Bình Định và thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 04/3/2020 thì Lê Minh N bị Công an thành phố Q bắt giữ. Hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q và Cơ quan CSĐT Công an thị xã Sông cầu, tỉnh Phú Yên đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Minh N về tội: “Trộm cắp tài sản” để xử lý theo quy định.

Đối với Nguyễn Như M, ngoài 04 lần trộm cắp nói trên, Nguyễn Như M còn khai M đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11 năm 2019, khi đi làm thuê cắt cỏ cà phê tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai, M khai có quen với một người tên là N (không rõ họ và địa chỉ) và được N rủ đi trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài. Do vậy, vào lúc 17h30' ngày 13/11/2019, M điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số của N) chở N từ thị trấn C, huyện Đ đến thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai để tìm xe mô tô trộm cắp thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh biển số 81P1-247.76 của anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn C, tỉnh Gia Lai) dừng trước quán bánh canh nhà số 138, đường Hùng Vương, thị trấn C. M dừng xe bên lề đường để cảnh giới còn N đến chỗ chiếc xe đầu điện nổ máy rồi điều khiển xe vừa trộm được rồi cùng với M điều khiển xe máy của N chạy về hướng ngã ba H thuộc thôn Phú Tân, xã Ia Băng, huyện C. Khi đến khu vực ngã ba H thì N lấy biển số xe 81B1 - 576.36 trong cặp của N ra gắn chồng lên biển số chiếc xe trên. Khoảng 19h N đón xe khách T biển số 81B-006.59 do anh Nguyễn Thanh D (sinh năm 1976; trú tại 05 Nay Der, thành phố P, tỉnh Gia Lai) điều khiển chạy hướng Gia Lai đi Thành phố Hồ Chí Minh để gửi chiếc xe vừa trộm được cùng 01 Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053749 mang tên chủ xe Trần Gia H, biển số đăng ký 81B1-576.36 và cho anh D số điện thoại của người gửi 032.717.242 (đây là số thuê bao của Nguyễn Như M) và số điện thoại 0332.206.869 là số của người nhận xe để gửi xe mô tô trộm cắp nói trên vào khu vực Cầu O, Bình Dương tiêu thụ. Sau đó M đón xe khách khác đi về lại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai còn N đi đâu M không biết.

Đến khoảng 22h30' ngày 13/11/2019, khi xe khách do anh D điều khiển đến địa phận huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bị Trạm CSGT K - Công an tỉnh Đắk Lắk kiểm tra xe và thu giữ xe mô tô cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mà M và N gửi sau đó bàn giao cho Công an huyện C, tỉnh Gia Lai.

Qua định giá tài sản, tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 07/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận 01 xe mô tô BKS 81P1-247.76 có giá trị 33.600.000 đồng.

Đối với 01 BKS xe mô tô số 81B1 -576.36 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 81B1 -576.36 do Trạm CSGT Công an tỉnh Đắk Lắk thu giữ, qua giám định. Tại Kết luận giám định số 219/KLGĐ ngày 22/02/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai xác định: Biển số xe mô tô 81B1 - 576.36 và Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053749 là giả.

Quá trình điều tra, Nguyễn Như M không thừa nhận cùng đối tượng N (theo M khai) có hành vi sử dụng biển kiểm soát xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả nói trên mà khai là của đối tượng N và do N sử dụng. Căn cứ trên các chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra thể hiện tại lời khai người làm chứng về việc bị can cùng đối tượng N gửi xe mô tô cùng giấy đăng ký xe vào tỉnh Bình Dương, kết quả thu giữ thư tín, điện tín giữa hai số điện thoại thuê bao di động của bị can (số 032.717.242) và số thuê bao của người nhận xe (số 0332.206.869) thể hiện trước, trong và sau thời gian trộm cắp xe mô tô biển số 81P1-247.76, bị can và đối tượng có số thuê bao 0332.206.869 nhiều lần có sự liên lạc với nhau nên có căn cứ xác định bị can Nguyễn Như M đồng phạm với đối tượng N trong việc sử dụng Biển số xe mô tô 81B1-576.36 và Chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe máy số 053749 giả để nhằm đưa xe mô tô biên số 81P1-247.76 đã trộm cắp đi tiêu thụ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như M phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt

* Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Như M mức án **06 (sáu)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Như M mức án **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội **08 (tám)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2020.

*Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh N mức án **06 (sáu)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: buộc bị cáo chấp hành hình phạt **08 (tám)** năm tù của bản án số 100/2020/HS-ST, ngày 23-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và hình phạt **06 (sáu)** năm tù của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **14 (mười bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/3/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2021 bị cáo Lê Minh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 26/3/2021 bị cáo Nguyễn Như M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Trộm cắp tài sản” và kháng cáo kêu oan đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận như sau: Trong các ngày 27 và 29/12/2019, hai bị cáo Nguyễn Như M và Lê Minh N đã cùng nhau thực hiện 04 lần trộm cắp xe máy của các bị hại là anh Đới Sỹ N1, anh Nguyễn Ngọc N, chị Vương Thị L và anh Hoàng Quốc Anh B. Qua định giá tài sản giá trị 04 chiếc xe bị trộm cắp là 71.760.000 đồng. Ngoài ra, cuối tháng 11 năm 2019 bị cáo Nguyễn Như M còn thực hiện 01 vụ trộm cắp xe máy của anh Nguyễn Văn

T tại thị trấn C, bị cáo khai thực hiện hành vi này cùng đối tượng tên N, sau khi trộm cắp được chiếc xe bị cáo cùng N đưa chiếc xe trộm cắp được đến ngã ba H và lấy biển số xe 81B1-576.36 gắn vào biển số xe trộm được cùng với đăng ký xe số 053749 gửi xe khách T vào khu vực cầu O, Bình Dương tiêu thụ. Tại trạm C sát giao thông huyện K, Đắc Lắc đã phát hiện đây là xe do trộm cắp mà có. Qua định giá chiếc xe trên có giá trị là 33.600.000 đồng, biển số xe 81B1-576.36 và đăng ký xe số 053749 là giả.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của bị cáo M cho rằng không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thấy: Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa bị cáo M cho rằng chỉ thấy được N gắn biển số xe 81B1-576.36 vào xe trộm cắp được, lúc N gửi xe mô tô cho xe khách bị cáo đứng xa để cảnh giới và không biết N sử dụng giấy tờ giả đưa cho tài xế xe khách. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án có nhiều lời khai bị cáo nhận bản thân biết N sử dụng giấy tờ giả đưa cho tài xế xe khách, quá trình điều tra thu giữ điện tín giữa thuê bao bị cáo M sử dụng và thuê bao của đối tượng nhận xe trong Bình Dương thể hiện, trước, trong và sau khi bị cáo trộm xe của anh T có sự liên lạc với nhau nhiều lần nên có căn cứ xác định bị cáo biết rõ việc N sử dụng tài liệu giả nhằm đưa xe trộm cắp được đi tiêu thụ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Như M tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng tội.

[2.2] Các bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá trên 50.000.000 đồng, đều có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội gần đây nhất của các bị cáo đều được xác định là “Tái phạm” và “Tái phạm nguy hiểm”, lần phạm tội này thuộc trường hợp định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo Lê Minh N không có nghề nghiệp lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Như M tội “Trộm cắp tài sản” với các tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Minh N tội “Trộm cắp tài sản” với các tình tiết định khung “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.3] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo M mức án 6 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”, 2 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tổng hợp hình phạt buộc bị cáo mạnh phải chấp hành hình phạt chung là 8 năm 6 tháng tù; xử phạt bị cáo N 6 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 100/2020/HS-ST, ngày 23-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo Lê Minh N về hành vi “Trộm cắp tài sản” và hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 56 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là không nặng và đúng

pháp luật. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết nào mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 23/03/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, thi hành bản án và các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; N1 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như M và bị cáo Lê Minh N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 23/03/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

* Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Như M mức án **06 (sáu)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Như M mức án **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội **08 (tám)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2020.

*Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh N mức án **06 (sáu)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: buộc bị cáo chấp hành hình phạt **08 (tám)** năm tù của bản án số 100/2020/HS-ST, ngày 23-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và hình phạt **06 (sáu)** năm tù của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **14 (mười bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/3/2020.

2. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 23/03/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, thi hành bản án và các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời

hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Như M, Lê Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm Mai Xuân Thành

Trương Minh Tuấn